

Tác phẩm Phật giáo Trung Quốc

Hương Sơn bảo quyền từ tiếp cận tư liệu Hán Nôm^(*)

Nguyễn Đình Hưng^(**)

Nguyễn Tô Lan^(***)

Tóm tắt: “*Hương Sơn bảo quyền*” là một tác phẩm văn học Phật giáo Trung Quốc có ảnh hưởng lớn tại Việt Nam về nhiều phương diện như văn học, văn hóa dân gian, sinh hoạt tín ngưỡng và tôn giáo. Truyện tích về công chúa Diệu Thiện đắc đạo ở núi Hương Sơn ở tác phẩm này được truyền bá rộng rãi ở Việt Nam và được nhiều lần cải tác bằng chữ Nôm. Bài viết tập trung khai thác một mảng tư liệu khác bên cạnh điển Nôm tôn giáo “*Hương Sơn bảo quyền*” là các tư liệu Hán Nôm địa lý và văn học có nội dung đề cập tới truyện tích và những di tích gắn liền với truyện tích đó ở Việt Nam, qua đó khẳng định một số ảnh hưởng của “*Hương Sơn bảo quyền*” ở Việt Nam cũng như những hình thức địa phương hóa một Phật tích phi bản địa.

Từ khoá: *Hương Sơn bảo quyền*, Quan Âm Diệu Thiện, Tư liệu Hán Nôm

“Bảo quyền 寶卷” là một thể loại văn bản văn học đặc thù, dùng để diễn xướng trong nghi lễ Phật giáo ở Trung Quốc. *Hương Sơn bảo quyền* 香山寶卷 là tên rút gọn của *Đại thánh pháp bảo Hương Sơn bảo quyền* 大聖法寶香山寶卷, tên gốc là *Quan Thế Âm Bồ tát bản nguyện kinh* 觀世音菩薩本願經. Đây là một trong những tác phẩm tiêu biểu của thể loại này và là văn bản được diễn xướng rộng rãi vào bậc nhất trong lịch sử Trung Quốc và cho tới ngày

nay. Nội dung chủ yếu kể về chuyện tu hành của công chúa Diệu Thiện từ khi giáng sinh vào hoàng cung tới lúc thành đạo ở núi Hương Sơn, được tôn xưng là Quan Âm Nam Hải hay Quan Âm Diệu Thiện. *Hương Sơn bảo quyền* được coi là tác phẩm của thiền sư Phổ Minh chùa Thiên Trúc (Hàng Châu, Trung Quốc) sáng tác vào năm 1103 dưới ảnh hưởng của sự phát triển tín ngưỡng thờ cúng Phật Quan Âm ở Trung Quốc vào thời Tống^(*).

Điểm đáng chú ý là, văn bản sớm nhất hiện còn của *Hương Sơn bảo quyền* được trùng san tại Việt Nam vào năm 1772 và đang được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán

(*) Bài viết dựa trên kết quả nghiên cứu thuộc đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở của Viện Nghiên cứu Hán Nôm năm 2017: “Nghiên cứu bảo quyền Phật giáo ở Việt Nam: trường hợp Hương Sơn bảo quyền” do TS. Nguyễn Tô Lan làm chủ nhiệm.

(**), (***) Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; lanhannom@gmail.com

(*) 车锡伦. 2009. 中国宝卷研究. 桂林: 广西师范大学出版社.

Nôm, ký hiệu A.1439^(*). Bên cạnh văn bản Hán văn Trung Quốc này, tư liệu Hán Nôm hiện tồn cũng phản ánh ảnh hưởng của tác phẩm này ở Việt Nam thời trung đại. Trước nay, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào các văn bản diễn Nôm câu chuyện về Diệu Thiện công chúa ở Việt Nam^(**) mà chưa chú ý tới các tư liệu Hán Nôm khác có liên quan tới chủ đề này.

Dựa trên các tài liệu Hán Nôm được khảo sát trong quá trình nghiên cứu (bao gồm tài liệu lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Thư viện Quốc gia Việt Nam, thư viện số hóa của Nôm Foundation, các tủ sách tư nhân... và tư liệu do nhóm tác giả sưu tầm được qua nghiên cứu điền dã), bài viết chỉ ra rằng, các tư liệu Hán Nôm khác như tản văn, truyện tích, địa lý chí cũng phản ánh ở mức độ nhất định ảnh hưởng của “Hương Sơn bảo quyền” tại Việt Nam. Những tư liệu này được phân nhóm theo loại hình văn bản gồm văn bản địa lý và văn bản văn học với nội dung cụ thể như sau.

I. Nhóm văn bản địa lý

Văn bản địa lý được hiểu ở đây là các văn bản ghi chép bao quát về một vùng đất cụ thể theo các thông tin như: ranh giới, diện tích địa lý, các đơn vị hành chính, số dân, sông núi, danh thắng cổ tích, danh

nhân, phong tục... Nguồn tư liệu này cung cấp nhiều thông tin chi tiết, sinh động và đáng tin cậy về mặt địa lý tự nhiên, địa lý hành chính của vùng miền được nhắc tới, đồng thời cũng cung cấp các câu chuyện lịch sử, truyền thuyết về các danh nhân, những di tích, những diềm linh dị trong vùng. Hiện tượng đáng chú ý về nhóm văn bản này là, mặc dù thông tin địa lý về một vùng đất theo trục thời gian thường xuyên có sự thay đổi về tên gọi, ranh giới, đơn vị hành chính, v.v... nhưng truyền thuyết linh thiêng về những địa điểm, nhân vật nổi tiếng của địa phương lại được ghi chép khá nhất quán qua nhiều tác phẩm. Hiện tượng này phản ánh mạnh mẽ đời sống sinh hoạt tinh thần của cư dân địa phương, trong đó có những tín nhiệm về tôn giáo, chủ yếu là Phật giáo. Ở nhóm văn bản địa lý này, chúng tôi tìm được bốn tư liệu liên quan đến chủ đề của bài viết gồm ba tư liệu về di tích Hương Sơn ở Hà Tĩnh và một tư liệu về di tích Hương Sơn ở Hà Nội. Các di tích này đều gắn bó chặt chẽ với câu chuyện Quan Âm Diệu Thiện, vị Bồ tát được tin là đã tu thành chính quả tại núi Hương Sơn.

1. Tư liệu ghi chép về di tích Hương Sơn ở Hà Tĩnh

* *Nghệ An Hà Tĩnh sơn thủy vịnh* 乂安河静山水咏 (Vịnh non nước Hà Tĩnh Nghệ An), tài liệu chữ Hán ký hiệu VHv.1790, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Sách gồm 91 trang chép tay, nội dung viết về sông núi các huyện ở Nghệ An, Hà Tĩnh, phụ chép thêm thơ ngâm vịnh các cảnh đẹp ở hai tỉnh này. Ở phần ghi chép về huyện Hương Sơn, thông tin về đỉnh Hương Tích trên dãy Hồng Lĩnh cùng các di tích ở đây liên quan tới sự tích Quan Âm Nam Hải như sau: “Lại có đỉnh Hương Tích, trên đỉnh có thành đá, trong thành có di chỉ đá, tục gọi là đài Trang vương. Trong thành có hai cây

(*) Xem thêm: Berezkin, Rostislav & Riftin, †Boris L. (2013), “The Earliest Known Edition of The Precious Scroll of Incense Mountain and the Connections Between Precious Scrolls and Buddhist Preaching” T’oung Pao, Netherlands: vol. 99, issue 4-5, 445-499.

(**) Xem thêm nghiên cứu về văn bản Nôm sớm nhất ghi chép câu chuyện Quan Âm Diệu Thiện tại: Berezkin, Rostislav and Nguyen To Lan (2016), “On the earliest version of the Miaoshan-Guanyin story in Vietnam: An adaptation of a Chinese narrative in the Nom script” VNU, Journal of Social Sciences and Humanities, vol 2, no.5, Hà Nội: 552 - 563.

tùng xanh tốt rậm rạp. Dưới thành có am đá, tương truyền con cái của Sở Trang vương tu hành hóa ở đây, di chỉ vẫn còn. Bên phải am có chùa tên là chùa Hương Tích, tùng trúc rậm rạp, là cảnh đẹp đệ nhất”.

Ngoài thông tin mô tả trên, phần giới thiệu về đỉnh Hương Tích còn có một số bài thơ vịnh cảnh sau:

- Bài “*Hồng Lĩnh sơn vịnh* 鴻嶺山詠 (Vịnh núi Hồng Lĩnh)” của Hoàng giáp Bùi quận công^(*).

“Chín chín lâu đài cao lớn
Trùng trùng cột biểu tôn nghiêm
Mạch núi đi hết hai huyện
Đường biển giữ suốt cửa
Bao quát đường đi đông tây
Thông khắp các thôn xa gần
Hai sông bình giáp nghì^(**)

Có bóng người đi hái củi trong ánh hoàng hôn”.

- Bài “*Hương Tích phong* 香積峯 (Đỉnh núi Hương Tích)”, chưa rõ tác giả.

“Núi tại dãy Hồng Sơn^(***), có 90 ngọn nối liền

Khấp núi cỏ cây mọc chỉ thấy một màu xanh

Đài cổ của Trang vương còn di chỉ đồ nát cũ

Am không của Tiên nữ nhập vào khói chiều

Đá trắng không lời đài tự che lấp đi
Tùng xanh không già, chim thường tới ngủ

Vén hương ra thấy có thừa danh lam ở đây

Nên tẩy tâm trần mà nói với nhau chuyện thiền”.

- Bài “*Sư tử phong* 獅子峯 (Đỉnh núi Sư Tử)”, chưa rõ tác giả.

“Hóa công đẽo tạc tự nhiên thành
Giữa ra ở sườn núi dáng sư tử
Cúi trông cầu đá nước tiên rửa sạch
Ngoái xem chùa Hương đầm nước của Phật trong veo

Màu xanh của cỏ cây sau khi sạch tuyết lại hiện ra khi tạnh ráo

Cành cây cứng cỏi đượm sương sau lúc trời mưa

Chẳng phải đất cũ Hà Đông của người ư
An nhiên chẳng dám kêu lớn tiếng”.

* *Nghệ An ký* 又安記 (ghi chép về tỉnh Nghệ An), tài liệu chữ Hán ký hiệu VHv.1713, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Đây là một văn bản địa chí do Bùi Dương Lịch soạn, gồm 2 tập ghi chép thông tin về địa phận, sông núi, danh nhân... của tỉnh Nghệ An. Thông tin về đỉnh núi Hương Tích và các di tích trên núi đó được thể hiện qua tài liệu này như sau: “Lại có đỉnh núi Hương Tích, trên núi có thành đá, trong thành có di chỉ đá, mài đá làm thành, có 99 hòn, tục gọi là đài Trang vương. Trong thành có hai cây tùng rậm rạp tươi tốt, dưới thành có am đá xây dựa vào vách núi, gọi là am Thánh Mẫu, được xây dựng từ triều

(*) Hoàng giáp Bùi quận công được nhắc tới ở đây có lẽ là Hoàng giáp Bùi Dương Lịch 裴楊驤 (1757-1828), tự là Tồn Thành 存成, hiệu Thạch Phủ 石甫 và Tồn Trai 存齋. Ông là một nhà giáo và là văn thân trải qua ba triều đại Lê Trung Hưng, Tây Sơn và đầu thời Nguyễn trong lịch sử Việt Nam. Trước tác của ông chủ yếu được viết bằng chữ Hán bao gồm Bùi gia huấn hải, Ốc lậu thoại, Lê quý dật sử, Yên Hội thôn chí, Nghệ An phong thổ ký, Nghệ An chí và Nghệ An ký.

(**) Bình giáp nghì: Dịch chữ “bình cách tức” ý nói việc binh đao chiến tranh nay đã dừng.

(***) Hồng Sơn là một tên gọi tắt của dãy núi Hồng Lĩnh sơn 洪嶺, được dân gian gọi là Ngàn Hồng - dãy núi nổi tiếng nhất của tỉnh Hà Tĩnh, từng được vua Minh Mệnh triều Nguyễn (trị vì trong giai đoạn 1820-1840) cho khắc lên cửa đình trong Kinh đô Huế. Theo truyền thuyết lưu hành ở địa phương, núi này nguyên có 99 đỉnh.

Trần. Bên phải am có chùa, tên là chùa Hương Tích, trước chùa có suối chảy, tùng trúc mọc rậm rạp, là cảnh già lam đệ nhất ở Hoan Châu^(*)”.

* *Can Lộc huyện phong thổ chí* 干祿縣風土誌 (ghi chép về phong thổ huyện Can Lộc), tài liệu chữ Hán ký hiệu VHv.1190, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Văn bản này được viết tay, gồm 80 trang, do Lưu Công Đạo^(**) biên soạn. Niên đại soạn sách chỉ được ghi là Tân Mùi, tuy nhiên khi đối chiếu với mốc thời gian muộn nhất được nhắc tới trong tài liệu này là năm Nhâm Tuất 1862 nên có thể đoán định năm Tân Mùi có khả năng cao là năm 1871. Nội dung sách ghi chép về lịch sử của huyện, bờ cõi, núi sông, cửa biển, bề tôi trung, nhân vật nổi tiếng, đàn bà có tiết tháo, cổ tích, linh từ (có một số bài thơ Nôm, câu đối), kỹ nghệ, sản vật, v.v... Phần liên quan tới đỉnh Hương Tích với các di chỉ và sự tích được ghi chép trong mục Sơn xuyên (Núi sông) như sau: “Đỉnh Hương Tích, tại hai xã Tả Thiên Lộc, Hữu Thiên Lộc: mạch từ đỉnh Tuần quanh co mà tới, đỉnh núi có một tòa thành đá, trong

thành có 99 cái nền, đều lấy đá mài rồi xếp mà thành, gọi là nền Trang vương, tương truyền Trang vương xuất gia ở đây. Cửa thành có hai cây tùng mọc đối xứng, to cỡ 50 tới 60 vi^(*), cao khoảng hơn 20 trượng^(**), bóng rợp tới một mẫu^(***), vỏ cây xếp vẩy cá như lớp giáp bên ngoài, hình sắc cổ kính, người ta nhìn ngắm có cảm tưởng như đã có nghìn vạn năm. Dưới thành khoảng 60 tới 70 bộ^(****) có am đá, mặt nhìn ra bể Đông, hai bên núi dựng như vách, che lợp bằng đá lớn, lấy ngói đá vụn xếp quanh thành một tòa am, trong đặt một pho tượng Quan Âm, đồng nam đồng nữ mấy nghìn, lại có một đồng nam cầm chày bấu trán ma, một đồng nữ cầm gương bấu chiếu ma, tên là am Ánh Mẫu, tới gần phảng phất mùi thơm, nên gọi là Hương Tích. Người đời truyền rằng, con gái thứ ba của Trang vương tên là Mẫu hóa ở đây (kiếp tu 6 năm), nay có ai khó khăn đường con cái thì tới đây cầu xin, nhiều lần ứng nghiệm. Bên phải am có chùa, phía bên phải chùa có suối, róc rách không cùng, dẫn đến phía trước chùa, tạo thành một bầu trong vắt, uống thấy thơm ngọt, là một dòng suối thơm. Bên trái chùa có một tòa miếu Hồng Sơn đại vương, miếu có ngự ban chữ vàng, dưới miếu có vài gian tăng phòng, vài gian bếp chùa, trong giữ hàng vạn quyển kinh Phật, có hai thầy trò một tăng, một tiểu. Trước chùa có một khu đất bằng phẳng trồng tùng, mỗi khi gió thổi tới thì mặt suối biếc lao xao sóng vạn khoảnh, gió thổi làm rừng tùng lao xao như sóng mát rượi. Men theo suối mà đi, suối trong

(*) Hoan Châu 驩州: Tên gọi của vùng đất mà ngày nay là tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh từ năm 598 thời Bắc thuộc (thuộc nhà Tùy). Tới thời Ngô, Đinh, Tiền Lê ở thế kỷ XX, địa danh này vẫn tồn tại để chỉ vùng đất trên. Từ thời Lý, vùng đất này bắt đầu được đổi tên thành Nghệ An (trại Nghệ An, Nghệ An châu, phủ Nghệ An...), Hoan Châu trở thành tên gọi của cấp hành chính nhỏ hơn của vùng này. Tên gọi Hoan Châu tồn tại tới đầu thời Lê Sơ trước khi nhà Lê tiến hành cải cách hành chính.

(**) Lưu Công Đạo, người Hoan Châu, là Hương cống cuối thời Lê, thi đậu Giải nguyên đầu thời Nguyễn. Ông từng làm Tri huyện Vĩnh Lộc dưới thời Vua Gia Long. Trước tác hiện còn bao gồm Can Lộc huyện phong thổ chí (hiện còn 2 bản), Thanh Hóa Vĩnh Lộc huyện chí và Vĩnh Lộc huyện phong thổ chí.

(*) Vi: Đơn vị đo độ dài bằng 5 tấc, mỗi tấc tương đương 4 cm.

(**) Trượng: Đơn vị đo độ dài tương đương 4 m.

(***) Mẫu: Đơn vị đo diện tích, tương đương 3.600 m².

(****) Bộ: Đơn vị đo độ dài, bộ tương đương 2 m.

có thể rửa, men đá mà bước, đá bằng phẳng có thể vịn vào, mỗi bước mỗi phong cảnh mở ra, lên cao nhìn bốn phía, nước xanh vạn khoảnh, núi biếc nghìn trùng, dấy lên cảm giác vui vẻ, dâng vẻ đẹp vào trong mắt, là cảnh đẹp hàng đầu ở Hoan Châu ta. Xưa Trịnh vương cầu tự được Điện vương^(*), cựu Hiệp trấn Trần công^(**) cũng từng cầu, được 3 con trai đặt tên là Hồng, Hương, Tích, nhân đó dựng chùa quán, làm một bài thơ.

Thơ của Trần công: “Chót vót rừng tùng cảnh khác phàm. Núi báu [][] dựng trong trời nam. Di chỉ của Trang vương còn nơi cảnh tùng, cây nguyệt. Am Thánh Mẫu ở nơi hẻm rỗng mây sinh ra. Một vốc nước ở suối ngọc làm tan trăm phiền lụy. Ba hồi trống đồng tỉnh được những người say. Chiêm ngưỡng, khẩu lạy đức từ bi lớn lao tầm thanh cứu khổ. Mượn vẻ tinh anh của núi mà sinh ra lệnh nam”.

Thơ của Hoàng giáp họ Bùi ở La Sơn^(***): “Mây trú ở thành cũ của Trang vương không biết từ đời nào. Cây thổi gió tới tòa am do Trần công dựng nên”.

(*) Điện vương ở đây chỉ Điện Đô vương Trịnh Cán 鄭欽 (1777-1782), là con thứ của Tĩnh Đô vương Trịnh Sâm, mẹ là Tuyên phi Đặng Thị Huệ, lên ngôi thế tử năm 1780 sau khi anh cùng cha khác mẹ là Trịnh Khải bị phế truất. Đặng Thị Huệ là sủng phi của Trịnh Sâm. Chúa Trịnh Sâm từng tới núi Hương Tích để cầu cho Đặng Thị Huệ sinh được con trai.

(**) Hiệp trấn Trần công: Chưa rõ là vị nào. Có thể chỉ Hiệp trấn Sơn Nam Thượng Trần Ngọc Quán (nhậm chức năm 1815, mất năm 1818) hoặc Hiệp trấn Sơn Nam Hạ Trần Quang Tĩnh (nhậm chức năm 1807, từ nhiệm năm 1809). Tuy nhiên, chúng tôi nghiêng về giả thiết đầu tiên vì khu di tích Hương Sơn thuộc trấn Sơn Nam Thượng, dưới quyền quản lý của Trần Ngọc Quán.

(***) Hoàng giáp họ Bùi ở La Sơn tức Bùi Dương Lịch. Xem chú thích ở trên.

Thơ của ngài Hạnh Am họ Nguyễn^(*): “Chùa Hương Tích đời Trần. Núi Hồng Sơn là đệ nhất. Am cũ còn để lại trăm hòn đá. Cổ chỉ nay chỉ còn tùng xanh”.

Đều là ngụ ý hoài cổ vậy”.

2. Tư liệu ghi chép về di tích Hương Sơn ở Hà Nội

Quần thể di tích Hương Sơn nằm trong địa giới Hà Nội ngày nay xưa thuộc trấn Sơn Nam. Tới thời Nguyễn, do thay đổi về địa lý hành chính mà quần thể di tích này thuộc địa phận tỉnh Hà Nội. Năm 1902, phần đất còn lại của tỉnh Hà Nội sau khi nhà Nguyễn cắt đất cho Pháp lập thành phố Hà Nội năm 1888 và tách phủ Lý Nhân ra để lập tỉnh Hà Nam năm 1890 đã được đổi thành tỉnh Cầu Đơ. Địa danh này tồn tại tới năm 1904 thì được đổi tên thành tỉnh Hà Đông. Trải qua nhiều thay đổi, địa giới tỉnh Cầu Đơ - Hà Đông cũ được sáp nhập về Hà Nội từ năm 2008. Trong thời gian tồn tại ngắn ngủi 2 năm, thông tin về tỉnh Cầu Đơ đã được ghi chép lại trong một cuốn sách là *Cầu Đơ tỉnh nhân đình phong tục tổng sách* 楸多省人丁風俗總冊 (Sách ghi chép tổng thể phong tục nhân đình tỉnh Cầu Đơ), tài liệu chữ Hán ký hiệu A.713, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

(*) Hạnh Am họ Nguyễn tức Nguyễn Thiếp 阮沔 (1723-1804), tự là Khải Xuyên, một danh sĩ cuối đời Hậu Lê và Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam. Ngoài ra, ông còn có rất nhiều tên tự hay tên hiệu, hoặc do ông tự đặt, hoặc do người đương thời xưng tụng, chẳng hạn như: Khải Xuyên (có sách chép là Khải Chuyên), Hạnh Am, Điền Ẩn, Cuồng Ẩn, Lạp Phong cư sĩ, Hầu Lục Niên, Lam Hồng dị nhân, Lục Niên tiên sinh, La Giang phu tử,... Ông được biết tới rộng rãi qua tên gọi Nguyễn Huệ (tức vua Quang Trung) dành cho ông là La Sơn phu tử, hay La Sơn tiên sinh. Trước tác của ông hiện còn là: La Sơn tiên sinh thi tập, Hạnh Am di văn tập và một số thơ văn rải rác trong các văn tập, tập ký khác.

Sách gồm 22 trang chép tay do Quang Lộc tự khanh, lĩnh Đốc học tỉnh Cầu Đơ là Vũ Phạm Hàm^(*) biên tập, ở cuối có ghi tên những người phụng hiệu là Bát phẩm lĩnh Tự thừa Nguyễn Tuân, người phụng tỉ là Lễ sinh Trữ Văn Hòa, người phụng tả là Lễ sinh Bùi Trần Sách được biên soạn xong ngày mồng 7/7 năm Thành Thái thứ 15 (1903). Sách ghi chép ba nội dung chính bao gồm: số dân đình gia trẻ trai gái, số người nước ngoài cùng địa điểm cư trú của họ ở các phủ huyện trong tỉnh, phong tục của Nam nhân (người Việt) và thổ nhân trong tỉnh, các nơi cổ tích của tỉnh.

Chùa Hương Tích được nhắc tới trong nội dung thứ ba này như sau: “Chùa núi Hương Tích ở xã Yên Vĩ, suối dài men theo núi đá ngăn mà vào, ở ngoài có chùa Thiên Trù, lại đi vào trong, trong núi có động quý tạc thần đẽo kỳ diệu, là động đệ nhất trời Nam. Tương truyền Quan Âm Bồ tát phi tích về phía Nam tu hành ở đây. Trong động, tượng Phật trang nghiêm, hương hỏa không dứt, mỗi khi xuân tế thiện tín các phương tới động hành hương, tiếng niệm Phật vang cả khe núi, tục xưng là thắng hội”.

II. Nhóm văn bản văn học

Nhóm văn bản này gồm các khúc ngâm, thi tập ngâm vịnh phong cảnh, gọi nhắc sự tích ở di tích Hương Sơn (nay thuộc huyện Mỹ Đức, Hà Nội) được xây dựng từ cuối thế kỷ XVII dưới thời Lê Trung Hưng. Năm 1770, chúa Trịnh Sâm đã đề biển “Nam thiên đệ nhất động” 南天第一峒 (Động đệ nhất trời Nam) cho động

Hương Tích trong quần thể này. Chùa Hương nơi đây không những trở thành một điểm hành hương quan trọng bậc nhất ở miền Bắc Việt Nam mà đã từng là nơi khắc in kinh Phật về Quan Âm Diệu Thiện, nhắc lại mối quan hệ mật thiết giữa di tích và Phật tích^(*). Câu chuyện về Quan Âm Nam Hải đã tạo nên sự linh thiêng cho quần thể di tích Hương Sơn, và không khí linh thiêng đó cũng được đưa vào những sáng tác văn học viết về di tích này.

* *Hương Thiên động nhật trình ngâm* 香天洞日程吟, tài liệu chữ Nôm ký hiệu AB.358, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Văn bản này được chép tay, 37 trang, gồm các tác phẩm: *Nam thiên đệ nhất động hành trình ngâm khúc* 南天第一峒行程吟曲, và bài hát nói *Hương Sơn phong cảnh ca* 香山風景歌 của Chu Mạnh Trinh, *Hương Thiên động nhật trình ngâm* 香天峒日程吟 của Tri phủ Chương Đức Nguyễn Thầu; *Tục ngâm nhất luật* 續吟一律, *Tục ngâm trường thiên* 續吟長篇, 5 bài luật thi chữ Nôm (chưa rõ tác giả).

Thư viện Quốc gia Việt Nam cũng có một văn bản *Hương Thiên động nhật trình* 香天峒日程 ký hiệu R.1944, chép tay tác phẩm *Nam thiên Đệ nhất động hành trình ngâm khúc* của Chu Mạnh Trinh^(**), tương tự bản AB.358 nói trên.

Nam thiên đệ nhất động hành trình ngâm khúc miêu tả cảnh Hương Sơn dọc theo con đường đi từ suối Yên vào động, liệt

(*) Vũ Phạm Hàm 武范誠 (1864-1906), tự là Mộng Hải, Mộng Hồ, hiệu là Thư Trì. Ông là một trong số hiếm hoi người đỗ Tam nguyên Đệ nhất giáp thời Nguyễn. Trước tác của ông hiện còn 19 tác phẩm chủ yếu viết bằng chữ Hán. Ông cũng là tác giả bài Hương Sơn phong cảnh viết bằng chữ Nôm.

(*) Xem thêm: Quan Âm quá hải chân kinh 觀音過海真經, tài liệu chữ Hán ký hiệu A.2479, Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Bản này được Tì khiêu [Thích] Thanh Quyết chùa Thiên Trù, thuộc khu di tích Hương Sơn khắc in năm 1898.

(**) Chu Mạnh Trinh 朱孟楨 (1862-1905), tự là Cán Thần, hiệu là Trúc Vân, là một danh sĩ thời Nguyễn. Trước tác hiện còn gồm 2 sách gồm: Bách chiến trang đài (2 bản) và Bách gia thi tập.

kê và mô tả những điểm dừng chân, quang cảnh trên đường đi. Trong khúc ngâm này có một đoạn mô tả nơi thờ Phật Quan Âm, có nhắc tới nhiều chi tiết và nhân vật trong truyện Quan Âm Nam Hải:

“[tr. 4b] Phật bà trên ngự liên đài,
Hữu Long Nữ tả Thiện Tài đứng bên.
Thần thông muôn phép muôn thiêng,
Nghìn tay nghìn mắt đủ nghìn hóa thân.
Đô thiên quan, đô phu nhân,
Diệu Thanh cùng với Diệu Âm hai nàng.
Thanh sư, Bạch tượng bày hàng,
Thắm nghiêm một điện linh quang

giữa trời.

Kiếp tu hành biết mấy mươi,
Dấu thiêng biết mấy nghìn đời còn đây”.

Cũng tương tự như tác phẩm của Chu Mạnh Trinh ở trên, *Hương Thiên động nhật trình ngâm* của Nguyễn Thấu cũng có những câu nhắc về Phật bà và các địa điểm ở Hương Tích là chứng tích cho câu chuyện đó:

“[tr. 10b] Rành rành dấu đá còn ngân,
Chẳng hay rằng thực gót chân Phật bà...”

và “[tr. 12a - 12b] Thuở xưa đức Phật Quan Âm,

Tự tây tích tượng [] lâm trụ trì.
Lại xem tiên cảnh xưa kia,
Những là nhiều kẻ đi về lăm hay”.

* *Du Hương Tích sơn tiền tập* 遊香跡山前集, tài liệu ký hiệu A.314, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Đây là một thi tập được viết tay, gồm 33 bài thơ đề vịnh phong cảnh chùa Hương Tích. Mỗi bài đều có lời dẫn. Ngoài ra, văn bản này còn có một số thơ đề vịnh Sài Sơn, núi Câu Lậu, núi Hoàng Xá, chùa Trầm... Các bài thơ trong thi tập này được sáng tác từ năm Tự Đức thứ nhất (1848) đến năm Đồng Khánh 2 (1887). Ở bài vịnh cảnh thứ 5, có gợi nhắc tới sự tích và hình ảnh của

đức Chúa Ba ở núi rừng Hương Sơn:

“[tr. 18b - 19a] Bồng Lai riêng chiếm một phương trời.

Mấy kiếp tu hành mới tới nơi
Tuệ nhãn khắp soi ngoài chín cõi
Kim thân kẻ độ biết bao người
Tán che năm thức mây họa vẽ
Sen tỏa nghìn năm sắc [] tươi
Bạch tượng Thanh sư đều thủ phục
Những loài yêu quái dám trêu ngươi”.

* *Hương Sơn truyện* 香山傳, tài liệu chữ Nôm ký hiệu VNb.6, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Đây là văn bản được Quan Văn Đường in năm Khải Định thứ 3 (1918). Nội dung văn bản gồm bài ca Nôm lục bát kể lại cuộc hành trình từ Hà Nội đến chùa Hương Tích, và một ca khúc song thất lục bát ca ngợi vẻ đẹp Chùa Hương. Trong bài ca Nôm ở đầu văn bản, hình ảnh Phật bà Quan Âm được hiện lên trong những câu thơ:

“[tr. 3a] Lại vào cho đến chốn song,
Có bà công chúa ngự trong linh đài”
và “[tr. 4a] ...Phổ Đà Phật hóa chân hình,
Bao nhiêu khổ nạn tầm thanh hộ trì”.

Ở ca khúc song thất lục bát cũng trong tập này, danh hiệu Phật Quan Âm được xưng tụng trong một số câu thơ như:

“[5b] Đệ niên xuân tiết tháng hai,
Lòng thành tưởng vọng ngọc đài
linh tiên.

Hương thánh tích khỏi thơm ngào ngạt,
Phật Quan Âm khai thác hóa sinh.

Từ bi lân mẫn hữu tình,
Biết cơ thể sự biết mình giàu sang”.

* Nhóm văn bản *Hương Tích động ký* 香積洞記 ký hiệu A.2533; *Hương Tích động ký tập sao văn tập* 香跡洞記雜抄文集 ký hiệu A.2174 và *Hương Tích động thi ký phụ tập ký* 香跡洞詩記附雜記 ký hiệu A.2175. Đây là ba văn bản chép tay viết

bằng chữ Hán, tập hợp nhiều tác phẩm văn học được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Các tác phẩm liên quan tới di tích Hương Tích gồm:

- *Hương Tích động ký* 香積洞記 (bài ký về động Hương Tích): có trong các văn bản ký hiệu A.2533 và A.2174).

- *Hương Tích động thi ký* 香積洞詩記 (các bài thơ ghi chép về động Hương Tích) gồm 23 bài thơ tả phong cảnh từ Bến Đục vào các chùa trong của động Hương tích, do Đặng Lương Hiên (tức Đặng Huy Tá) hiệu Thanh Giang soạn: có trong các văn bản ký hiệu A.2533 và A.2175.

- *Canh họa thi* 廣和詩 (thơ xướng họa phong cảnh chùa Hương Tích): có trong cả 3 văn bản.

- *Tuyết Sơn tự nhật trình diễn âm* 雪山寺日呈演音 (bài ca Nôm vịnh chùa Tuyết Sơn và hành trình lên chùa): có trong các văn bản ký hiệu A.2522 và A.2174.

Các bài thơ trong thi tập này không trực tiếp nhắc tới Quan Âm Nam Hải hay những câu chuyện trong sự tích của Bồ tát này. Tuy nhiên, bằng bậc trong các bài thơ vẫn là không khí linh thiêng của nơi đất Phật có Phật bà ngự. Ví dụ như bài “Đề Hương Tích động” 題香跡洞 (Đề động Hương Tích):

“Cõi động rộng vạn tượng nguy nga
tráng lệ

Riêng cõi Bồng Lai này nhẹ nhàng
thư thái

Linh cơ trao vào tiếng chuông vang vọng

Pháp vũ thường nhân thạch nhũ treo

Kho tiền kho gạo vô tận bày đặt ra

Có duyên kỳ lạ nên áo mũ la liệt

Khát tìm giếng rồng, biết được hương vị

Tự tại tiêu dao tưởng như muốn
thành tiên”.

Trong *Tuyết Sơn tự nhật trình diễn âm* cũng có một số câu ghi dấu Quan Âm Nam

Hải ở di tích Hương Sơn, gần giống với nội dung trong *Hương Thiên động nhật trình ngâm* của Nguyễn Thấu:

“Rành rành đỉnh núi còn ngân,

Trông lên thì thực Quan Âm Phật bà.

Hay là đức Phật hiện ra,

Ở bên Bắc quốc tòa sa chôn này...”

và

“Thuở xưa có đức Quan Âm

Từ tây tích tượng phi lâm trụ trì”.

Như vậy, các tư liệu được trình bày ở trên dù được viết bằng chữ Hán hay chữ Nôm, ở những thể loại văn học khác nhau thì đều thể hiện ba nội dung chính. Thứ nhất, các tư liệu đều khẳng định địa danh Hương Sơn ở địa phương được đề cập tới chính là núi Hương Sơn nơi Quan Âm Diệu Thiện (tức Quan Âm Nam Hải) hay bà chúa Ba, cô Bơ trong tín ngưỡng dân gian tu hành và thành chính quả. Mặc dù câu chuyện về Phật bà Quan Âm xuất phát từ văn liệu Phật giáo Trung Quốc nhưng các ghi chép đều không biện luận về khả năng địa danh Hương Sơn này là ở bất kỳ nơi nào khác và mặc nhận đây là một danh thắng ở Việt Nam. Điểm đáng chú ý là tuy đồng thời tồn tại hai địa danh Hương Sơn với cụm di tích liên quan (một ở Hà Tĩnh, một ở Hà Nội) nhưng các tư liệu đề cập tới một trong hai địa danh này đều không có ý phủ định địa danh tương tự ở nơi khác. Thứ hai, những tư liệu Hán Nôm có liên quan tới *Hương Sơn bảo quyển* cho thấy Phật tích Quan Âm Diệu Thiện đã được địa phương hóa cao độ tại Việt Nam. Từ phong cảnh tự nhiên như gốc cây, bờ cỏ, dòng suối, sườn núi, v.v... cho tới di tích nhân tạo như đài Trang vương, am Thánh Mẫu, tượng Quan Âm, Thanh sư, Bạch tượng, v.v... đều là sự chi tiết hóa và bản địa hóa câu chuyện về Phật bà Quan Âm.

Hơn thế, sự linh nghiệm của Phật bà được ghi nhận qua những ứng nghiệm khi cầu cúng (đặc biệt là nguyện vọng cầu sinh con nếu khó có con, hoặc cầu sinh con trai để nối dõi tông đường) của cả dân chúng lẫn nhà quyền thế như trường hợp chúa Trịnh rồi Trần công cho thấy tín ngưỡng thờ Phật bà Quan Âm đã cắm rễ sâu chắc trong đời sống tinh thần của người Việt Nam. Thứ ba, bên cạnh những tư liệu Hán Nôm trực tiếp nhắc tới câu chuyện về Quan Âm Diệu Thiện, phong cảnh Hương Sơn đã trở thành đề tài ngâm vịnh cho các mặc tử văn nhân. Ngoài những tác phẩm do danh sĩ sáng tác nổi tiếng đương thời như *Hương Sơn phong cảnh ca* của Chu Mạnh Trinh, nhiều tác phẩm có tác giả và khuyết danh khác cũng đã được sáng tác bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm để ca tụng vẻ đẹp của danh thắng này. Trong các khúc ngâm chữ Nôm tên gọi và sự tích của Quan Âm Nam Hải được nhắc tới một cách cụ thể. Ở các bài thơ chữ Hán, sự tích và tên gọi của vị Bồ tát này ít được nhắc tới trực tiếp, nhưng xúc cảm trước sự linh thiêng của cảnh Phật vẫn được thể hiện rõ trong câu chữ.

Những tư liệu Hán Nôm có liên quan tới *Hương Sơn bảo quyến* như thống kê trong bài viết có thể sẽ được tiếp tục bổ sung khi có những khám phá mới về tư liệu nhưng thiết nghĩ cũng đã đủ để phác thảo ra một hình dung về ảnh hưởng của *Hương Sơn bảo quyến* nói chung và cụ thể hơn, câu chuyện về Quan Âm Diệu Thiện ở Việt Nam. Đồng thời, tính chất của những tư liệu này từ ghi chép truyền thuyết dân gian, thực hành tôn giáo cho tới thơ văn sáng tác vịnh cảnh vịnh vật của các văn nhân, danh thần thể hiện một sự công nhận cao độ giữa trí thức Nho học và tâm thức dân gian về

mối quan hệ giữa di tích Hương Sơn ở Việt Nam và Phật tích Quan Âm Diệu Thiện, cho dù Phật tích này không có nguồn gốc bản địa □

Tài liệu tham khảo

1. Berezkin, Rostislav & Riftin, †Boris L. (2013), “The Earliest Known Edition of The Precious Scroll of Incense Mountain and the Connections Between Precious Scrolls and Buddhist Preaching”, *T'oung Pao*, vol. 99, issue 4-5, p. 445-499), Netherlands.
2. Rostislav Berezkin and Nguyen To Lan (2016), “On the earliest version of the Miaoshan-Guanyin story in Vietnam: An adaptation of a Chinese narrative in the Nom script”, *VNU Journal of Social Sciences and Humanities*, vol.2, no.5, 552 - 563, Ha Noi.
3. *Can Lộc huyện phong thổ chí* “干祿縣風土誌”, VHv.1190, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
4. *Cầu Đơ tỉnh nhân đình phong tục tổng sách* “棣多省人丁風俗總冊”, A.713, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
5. *Du Hương Tích sơn tiền tập* “遊香跡山前集”, A.314, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
6. *Hương Sơn bảo quyến* “香山寶卷”, A.1439, Viện Nghiên cứu Hán Nôm
7. *Hương Sơn truyện* “香山傳”, VNb.6, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
8. *Hương Thiên động nhật trình* “香天洞日程”, R.1944, Thư viện Quốc gia Việt Nam.
9. *Hương Thiên động nhật trình ngâm* “香天洞日程吟”, AB.358, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
10. *Hương Tích động ký* “香積洞記”, A.2533, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

11. *Hương Tích động ký tạp sao văn tập* “香跡洞記雜抄文集”, A.2174, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
12. *Hương Tích động thi ký phụ tạp ký* “香跡洞詩記附雜記”, A.2175, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
13. Lê Mạnh Thát (1979), *Chân Nguyên thiền sư toàn tập*, Tu thư Vạn Hạnh, tập 2, Bản gốc in roneo, bản phục chế do Thư viện Huệ Quang thực hiện năm 2016, Tp. Hồ Chí Minh.
14. Liên Giang (1943), “Về vấn đề văn học và sử học trong cuốn kinh *Hương Sơn Quan thế âm*” trong *Tạp chí Tri Tân*, tr. 10 - 11 và 16.
15. *Nghệ An Hà Tĩnh sơn thủy vịnh* “又安河靜山水詠”, VHv.1790, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
16. *Nghệ An ký* “又安記”, VHv.1713, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
17. *Quan Âm quả hải chân kinh* “觀音過海真經”, A.2479, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
18. *Quan Âm tế độ bản nguyện chân kinh* “觀音濟度本願真經”, AC.154, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

(tiếp theo trang 26)

Tài liệu tham khảo

1. Trần Ngọc Đường (2011), “Bầu cử - một phương thức để nhân dân giao quyền, ủy quyền và kiểm soát quyền lực nhà nước”, <http://www.daibieunhan dan.vn/default.aspx?tabid=76&NewsId=211083>, ngày truy cập 16/8/2017.
2. Phạm Hồng Thái (2012), “Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của công dân trong Hiến pháp năm 1992 và những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước* (12).
3. Trung tâm nghiên cứu quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2002), *Tuyên ngôn thế giới và hai Công ước 1966 về quyền con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Viện khoa học Pháp lý - Bộ Tư pháp (2012), “Thực tiễn và phương hướng hoàn thiện quyền hiến định của công dân trong Hiến pháp 1992 (sửa đổi, bổ sung 2001) về quyền tham gia quản lý nhà nước”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, Chủ nhiệm: Lê Thị Thiệu Hoa, Hà Nội.